



guó fáng bù

国防部

noun · Ministry of National Defense

Example Sentences

Guó fáng bù fā bù le xīn de jūn shì zhèng cè
国防部发布了新的军事政策。

The Ministry of National Defense issued new military policies.

Tā zài guó fáng bù dān rèn zhòng yào zhí wù
他在国防部担任重要职务。

He holds an important position in the Ministry of National Defense.

Trace each character, then write the word on your own.

国	国	国	国	国	国	国	国	国	国	国
防	防	防	防	防	防	防	防	防	防	防
部	部	部	部	部	部	部	部	部	部	部
部	部									